

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 3 năm 2021
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Văn Điệp**
2. Ông **Huỳnh Văn Năm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Len** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Ngọc E**, sinh năm 1974; Trú tại: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông **Đặng Văn N**, sinh năm 1968; Trú tại: Ấp 1, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Bà Ngọc E và ông N đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Lê Ngọc E** trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông **Đặng Văn N** chung sống với nhau từ năm 1990, nhưng đến nay bà và ông N không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân, do trong cuộc sống không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến, dẫn đến vợ chồng cãi nhau và không còn hạnh phúc. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên: **Đặng Lệ T**, sinh năm 1990 (Giới tính: Nữ), **Đặng Hoàng H**, sinh năm 1992 (Giới tính: Nam) và **Đặng Như Ý**, sinh năm 1997 (Giới tính: Nữ). Do, các cháu đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông **Đặng Văn N** trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà Ngọc E, thống nhất ly hôn với bà Ngọc E.

Về con chung: Thống nhất với ý kiến trình bày của bà Ngọc E, do các cháu đã trưởng thành nên không có yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bị đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện và bản tự khai giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, theo, quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Do, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

- Về nội dung:

[3] Căn cứ Đơn xin xác nhận ngày 22/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, xác định bà Lê Ngọc E và ông Đặng Văn N không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa bà Ngọc E và ông N đã vi phạm về mặt hình thức. Nay, bà Ngọc E và ông N yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Ngọc E và ông N là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Để, làm cơ sở chấm dứt quan hệ chung sống như vợ chồng giữa bà Ngọc E và ông N.

[4] Về con chung: Bà Ngọc E và ông N có 03 người con chung tên: Đặng Lê T, sinh năm 1990 (Giới tính: Nữ), Đặng Hoàng H, sinh năm 1992 (Giới tính: Nam) và

Đặng Như Ý, sinh năm 1997 (Giới tính: Nữ). Do, các cháu đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Ngọc E và ông N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên cần buộc bà Ngọc E phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được đối trừ số tiền 300.000 đồng bà Ngọc E đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004648 ngày 22/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (bà Ngọc E đã dự nộp xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 273; Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Ngọc E và ông Đặng Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Do các cháu Đặng Lê T, sinh năm 1990 (Giới tính: Nữ), Đặng Hoàng H, sinh năm 1992 (Giới tính: Nam) và Đặng Như Ý, sinh năm 1997 (Giới tính: Nữ), đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Ngọc E phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được đối trừ số tiền 300.000 đồng bà Ngọc E đã dự nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004648 ngày 22/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (bà Ngọc E đã dự nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thành Quang